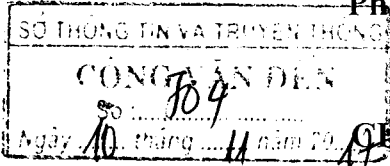


Số: **1887** /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **08** tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000
đô thị Thái Hà, huyện Lý Nhân**



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 20 tháng 7 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị; Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị; Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 364/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2011 phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Hà Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2016 phê duyệt chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2016 phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng đô thị Thái Hà, huyện Lý Nhân;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 1834/TTr-SXD ngày 17 tháng 10 năm 2017) kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định, hồ sơ Quy hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 đô thị Thái Hà huyện Lý Nhân, với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên Đồ án: Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 đô thị Thái Hà huyện Lý Nhân.

2. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng Hà Nam.

3. Đơn vị tư vấn lập Quy hoạch: Viện Nghiên cứu thiết kế đô thị.

4. Tính chất, quy mô và phạm vi nghiên cứu:

a) Tính chất:

- Đô thị loại V trực thuộc huyện Lý Nhân;
- Đô thị công nghiệp đa ngành có công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.



- Là đô thị thương mại dịch vụ, trung tâm đầu mối kết nối giao thông cửa ngõ phía Đông của tỉnh kết nối với các tỉnh Hưng Yên, Thái Bình và thành phố Hải Phòng.

b) Quy mô:

- Quy mô dân số:

+ Hiện trạng: 17.978 người.

+ Năm 2025 khoảng 23.000 người.

+ Năm 2030 khoảng 25.500 người.

- Quy mô đất đai:

- Tổng diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khoảng: 2.025,0ha (Trong đó: diện tích toàn bộ xã xã Chân Lý là 1.506,63ha; diện tích một phần xã Nhân Đạo là 116,8 ha và một phần diện tích xã Bắc Lý là 401,7 ha).

c) Phạm vi nghiên cứu:

- Phạm vi nghiên cứu gián tiếp: Khu vực phía Đông, Đông Bắc huyện Lý Nhân, dọc đường vành đai 5 Thủ đô và các khu vực vùng thuộc các tỉnh lân cận có liên quan.

- Phạm vi nghiên cứu trực tiếp: Xác định trên cơ sở toàn bộ ranh giới hành chính xã Chân Lý, một phần xã Nhân Đạo, một phần xã Bắc Lý huyện Lý Nhân, vị trí cụ thể như sau:

+ Phía Bắc giáp huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.

+ Phía Nam giáp phần còn lại của các xã Nhân Đạo, Bắc Lý - huyện Lý Nhân.

+ Phía Đông giáp huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

+ Phía Tây giáp xã Đạo Lý, huyện Lý Nhân.

5. Thời hạn lập quy hoạch:

- Quy hoạch ngắn hạn (đợt đầu): Đến năm 2025.

- Quy hoạch dài hạn: Đến năm 2030.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

Stt	Hạng mục	Hiện trạng		Quy hoạch đến năm 2025		Quy hoạch đến năm 2030	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	Diện tích quy hoạch	2.025,0	2.025,0	2.025,0	100,0	2.025,0	100,0
I	Đất xây dựng	465,33	23,0	1.221,6	60,3	1.352,1	66,8
1	Đất dân dụng	363,86	17,9	558,25	27,6	603,11	29,8
1.1	Đất ở	222,69	11,0	266,06	13,1	268,95	13,3
	Đất ở hiện trạng chính trang	222,69		222,69		211,43	
	Đất ở mới			43,37		57,52	

	+ Đất ở đô thị mới			32,27		46,42	
	+ Đất nhà ở công nhân			11,10		11,10	
1.2	Đất công trình công cộng	7,60	0,4	32,80	1,6	32,80	1,6
	Đất giáo dục	4,48		11,08		11,08	
	Đất y tế	0,30		1,97		1,97	
	Đất chợ, SH cộng đồng, CCXH...	2,10		19,75		19,75	
1.3	Đất công viên, TDTT	0,72		16,15	0,8	34,62	1,7
1.4	Đất cơ quan, công trình sự nghiệp	1,47	0,1	5,91	0,3	5,91	0,3
1.5	Đất giao thông	131,38	6,5	192,74	9,5	210,9	10,4
1.6	Đất công cộng cấp ngoài đô thị			44,59	2,2	49,95	
	Đất trung tâm dịch vụ thương mại			19,14		19,14	
	Đất hỗn hợp			25,45		30,81	
2	Đất ngoài dân dụng	102,19	5,0	663,33	32,8	749,00	37,0
2.1	Đất SXKD phi NN	15,84	0,8	490,99	4,2	540,49	26,7
	Công nghiệp vật liệu xây dựng và vùng nguyên liệu			296,73		321,48	
	Khu công nghiệp đa ngành			194,26		219,01	
2.2	Đất tôn giáo tín ngưỡng	8,95	0,4	14,61	0,7	14,61	0,7
	Đất tôn giáo tín ngưỡng hiện trạng			8,70		8,70	
	Dự án Đền Bà Vũ			5,91		5,91	
2.3	Đất du lịch nghỉ dưỡng			60,11	3,0	60,11	3,0
2.4	Đất cây xanh cách ly			15,25		54	2,6
2.5	Đất CT đầu mối HTKT	56,16	2,8	66,12	3,3	66,12	3,3
2.6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	21,24	1,0	16,25	0,8	14,11	0,7
II	Đất khác	1.559,68	77,0	803,42	39,7	672,89	33,2
1	Đất nông nghiệp	1.128,71	55,7	373,75	18,5	136,09	6,7
	Đất nông nghiệp (lúa, hoa màu...)			292,72		55,06	
	Khu nông nghiệp ứng dụng CNC			65,13		65,13	
	Dự án bò sữa xã Nhân Đạo			15,9	0,8	15,9	
2	Sông suối và mặt nước CD	380,13	18,8	391,6	19,3	434,2	21,4
3	Bãi cát	50,84	2,5	38,1	1,9	38,1	1,9
4	Đất dự trữ phát triển					64,5	3,2

7. Quy hoạch định hướng phát triển không gian và phân khu chức năng

7.1. Định hướng phát triển không gian:

- Không gian đô thị Thái Hà được phát triển theo mô hình ô bàn cờ với đường vành đai 5 Thủ đô và tỉnh lộ 495B là trục xương sống của đô thị. Hệ thống đường chính đô thị, đường liên khu vực, đường chính khu vực được thiết kế dựa trên mạng lưới đường hiện trạng cải tạo thành đường đô thị. Hình thành hành lang xanh - trục cảnh quan - tâm linh của đô thị kết nối không gian sông Hồng với khu vực đền Trần Thương, đền Bà Vũ, đền Tam Quan. Trong giai đoạn sau đầu tư xây dựng hệ thống kè bảo vệ đất đai trong đô thị (*đặc biệt là đoạn từ cầu Hưng Hà đến cầu Thái Hà*) kết hợp với việc di dời toàn bộ các cụm dân cư trong và ngoài đê bổi.

- Xây dựng trung tâm hành chính đô thị trên cơ sở vị trí Ủy ban nhân dân xã Chân Lý hiện hữu, bố trí quỹ đất trung tâm hành chính đô thị mới tại vị trí trung tâm đô thị. Công viên trung tâm kết nối trung tâm văn hóa đô thị - TDTT tạo thành lõi xanh tại trung tâm đô thị.

- Khu công nghiệp đa ngành với diện tích giai đoạn đầu khoảng 200 ha phía Nam nút giao và nằm hai bên đường tỉnh lộ ĐT495B nhằm tận dụng các ưu thế về mặt hạ tầng kỹ thuật và liên kết giao thông. Hình thành hệ thống cây xanh cách ly để kiểm soát chất lượng môi trường.

- Khu dân cư hiện hữu được cải tạo chỉnh trang theo hướng bổ sung, tăng cường hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đặc biệt là không gian công cộng, giữ được cấu trúc làng xóm cũ. Hạn chế việc tăng thêm mật độ, khuyến khích hình thức nhà truyền thống và nhà ở sinh thái mới.

- Các khu ở mới được phát triển theo nguyên tắc lan tỏa, xen cây dựa vào các khu vực dân cư hiện hữu của 3 xã Chân Lý, Đạo Lý và Nhân đạo. Ưu tiên phát triển các loại hình nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ tại dọc hai bên tuyến đường chính nhằm phát triển các loại hình dịch vụ tại địa phương.

- Phát triển mô hình du lịch sinh thái cảnh quan, khám phá văn hóa nông nghiệp công nghệ cao tại khu vực ven sông Hồng.

7.2. Phân khu chức năng:

a) Khu vực trung tâm đô thị (*phía Bắc nút giao đường Vành đai 5 Thủ đô và hai bên đường tỉnh lộ ĐT495B*):

- Qui mô: Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 293ha, dân số đến 2030: khoảng 10.140 người.

- Chức năng: Là trung tâm hành chính, trung tâm văn hóa, thương mại, dịch vụ du lịch, đào tạo, y tế của đô thị Thái Hà. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan đa dạng trong phong cách kiến trúc kết hợp với các giải pháp thiết kế đô thị tạo ra một khu vực trung tâm đô thị đẹp, hiện đại, có đầy đủ tiện ích đô thị.

- Khu ở mới: Gồm khu ở mới sinh thái, khu ở mới tập trung, các khu ở mới mang hình ảnh khu ở hiện đại, mật độ thấp có hệ thống hạ tầng kỹ thuật – hạ tầng xã hội đồng bộ.

- Hệ thống làng xóm hiện trạng: Cải tạo chỉnh trang, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, ưu tiên cải tạo và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật – hạ tầng xã hội đồng bộ đạt tiêu chuẩn đô thị.

b) Khu vực phát triển công nghiệp đa ngành (phía Nam nút giao đường Vành đai 5 Thủ đô và hai bên đường tỉnh lộ ĐT495B):

- Qui mô: Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 493ha, dân số đến 2030: khoảng 3.580 người.

- Chức năng: Là khu công nghiệp đa ngành, phát triển các dự án công nghiệp có công nghệ tiên tiến, đa ngành, không hoặc ít ô nhiễm môi trường.

- Hình thành Khu công nghiệp đa ngành (khu công nghiệp Thái Hà) với diện tích giai đoạn đầu khoảng 219 ha. Hình thành hệ thống cây xanh cách ly để kiểm soát chất lượng môi trường. Bên cạnh khu công nghiệp hình thành khu nhà ở công nhân nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở của người công nhân làm việc tại khu công nghiệp. Bố trí khu cảng thủy nội địa nhằm phát huy lợi thế giao thông đường thủy.

c) Khu vực phát triển du lịch - nông nghiệp công nghệ cao (năm ngoài đê Đại Hà, trong đê Bối):

- Qui mô: Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 899 ha, dân số đến 2030: khoảng 6.175 người.

- Chức năng: Khu du lịch tâm linh - du lịch sinh thái - du lịch nông nghiệp - nông nghiệp công nghệ cao.

- Khai thác giá trị văn hóa lịch sử và giá trị cảnh quan của các khu vực đình, đền, chùa, quán, miếu, giếng làng... Nghiên cứu các giải pháp trùng tu, bảo tồn; hạn chế tối đa các hình thức, động thái gây ảnh hưởng tới kiến trúc cảnh quan của khu vực.

- Hình thành khu du lịch sinh thái tại khu vực cánh đồng xóm 5 Đồng Yên dựa trên lợi thế về giao thông, cảnh quan mặt nước, kết nối với khu vực du lịch nông nghiệp chất lượng cao ven sông Hồng.

d) Khu vực cải tạo chỉnh trang - dự trữ phát triển (khu vực làng xóm hiện trạng phía Tây đường tỉnh lộ ĐT495B):

- Qui mô: Tổng diện tích đất tự nhiên khoảng 340 ha, dân số đến 2030: khoảng 5.525 người.

- Chức năng: Làng xóm hiện trạng, đất nông nghiệp, quỹ đất dự trữ phát triển.

- Bao gồm các khu vực dân cư hiện hữu sau: Xóm 2-4-5 Tân Lý; thôn Phú Lư, Ngô, Hàn, Chương, Nội Rối và một phần thôn Trần Thương.

- Bảo tồn và phát huy không gian sống truyền thống, đặc trưng. Bổ sung các hạng mục công trình công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân. Giữ lại cấu trúc làng xóm cũ, kiến trúc nhà truyền thống, đặc biệt là các yếu tố cơ bản cấu thành nên cấu trúc làng truyền thống như giếng nước, sân đình, đình, chùa...

- Phân vùng các không gian sản xuất nông nghiệp tại các khu vực này theo các hình thức trồng lúa, trồng cây ăn quả và trồng rau. Đẩy mạnh phát triển các ứng dụng sinh học mới trong nông nghiệp, cung cấp nguồn thực phẩm sạch cho toàn huyện và tỉnh.

- Một phần diện tích đất canh tác nông nghiệp còn lại phía Nam thôn Chương, phía Đông thôn Nội Rối, phía Nam xóm 4 Tân Lý và hai bên đường vành

đai 5 Thủ đô được xác định là quỹ đất dự trữ dành cho phát triển các chức năng cho đô thị Thái Hà trong tương lai.

8. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

8.1. Giao thông

a) Giao thông đối ngoại:

Tuyến đường cao tốc vành đai 5 vùng thủ quy mô 6 làn xe, có thể phát triển 10 làn xe và có hệ thống đường gom song hành; tỉnh lộ 495B quy mô 60m; đường đê Đại Hà được nâng cấp cải tạo với bề rộng nền đường 10m, quy mô 2 làn xe.

b) Giao thông đô thị:

Tận dụng mạng lưới đường giao thông hiện có, nâng cấp cải tạo đạt tiêu chuẩn đường đô thị, kết nối hợp lý với mạng lưới đường đối ngoại. Tổ chức các nút giao thông tại các điểm giao cắt giữa đường đối ngoại và đường chính đô thị cũng như các điểm cửa ngõ đô thị. Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường thôn xóm hiện có phù hợp với điều kiện hiện trạng.

- Đường chính đô thị: Chiều rộng mặt cắt ngang đường từ 51- 65m, với quy mô 6 làn xe chính và 4 làn xe phân đường gom.

- Đường liên khu vực đô thị: Chiều rộng mặt cắt ngang đường từ 24 - 35m với quy mô 6 làn xe cơ giới.

- Đường chính khu vực đô thị: Chiều rộng mặt cắt ngang đường từ 13 – 20.5m, với quy mô từ 2 - 4 làn xe cơ giới.

- Đường khu vực đô thị và đường làng xóm cải tạo, chỉnh trang: Chiều rộng mặt cắt đường từ 3 – 12m, mặt đường bê tông.

c) Công trình đầu mối phục vụ giao thông đường bộ:

- Hệ thống cầu vượt sông: Xây dựng 02 cầu mới bắc qua sông Hồng nằm trên đường vành đai 5 vùng Thủ đô và tỉnh lộ ĐT495B.

- Tổ chức hệ thống nút giao thông đô thị: Xây dựng 02 cầu vượt trục thông giữa đường Vành đai 5 vùng Thủ đô, với các tuyến đường chính đô thị để đảm bảo tính liên thông và khả năng kết nối của mạng giao thông trong thị trấn.

- Hệ thống giao thông tĩnh phục vụ cấp đô thị: Xây dựng 01 bến xe thị trấn, 21 bãi đỗ xe tập trung; 02 cầu mới bắc qua sông Hồng nằm trên đường vành đai 5 vùng Thủ đô và tỉnh lộ ĐT495B.

d) Giao thông đường thủy: Khai thông luồng lạch khoảng 9km tuyến vận tải trên sông Hồng, bố trí 03 cảng thủy nội địa và 03 bến thuyền du lịch nhằm khai thác tối đa lợi thế đường sông.

8.2. San nền:

Cao độ khống chế nền xây dựng cho khu vực dân dụng $H_{xd} \geq +2.5m$; Khu vực xây dựng khu công nghiệp: $H_{xd} \geq + 2.5m$ (nền trong lô $H_{xd} \geq + 3.0m$); khu

vực công viên cây xanh: $H_{xd} \geq + 2.2m$; Khu vực đã xây dựng (làng xóm đô thị hóa) giữ nguyên hiện trạng. Đối với những khu vực hiện trạng đã xây dựng có mật độ cao như làng xóm, sơ quan xí nghiệp... giữ nguyên nền hiện trạng. Những khu vực có cao độ nền nhỏ hơn cao độ khống chế $< +2.5m$, từng bước cải tạo đảm bảo theo cao độ khống chế chung của khu vực để đảm bảo tiện nghi đô thị cho những khu vực làng xóm đô thị hóa này.

8.3. Cấp nước:

a) Nguồn nước, nhu cầu dùng nước và phân vùng cấp nước:

- Sử dụng nguồn nước mặt sông Hồng là nguồn cấp chính cho khu vực đô thị.
- Dự kiến nhu cầu dùng nước đến năm 2025 khoảng 14.000 m³/ngày đêm, đến năm 2030 khoảng 20.000 m³/ngày đêm, nguồn nước cấp cho đô thị lấy từ nguồn nước mặt sông Hồng, qua nhà máy nước Đạo Lý (cấp cho đô thị với công suất khoảng 16.000m³/ngày đêm) và nhà máy nước Chân Lý (cấp cho đô thị với công suất khoảng 4.000m³/ngày đêm).

b) Mạng lưới ống cấp nước: Thiết kế mạng nhánh kết hợp mạng vòng để cấp nước đến khu vực tiêu thụ, sử dụng ống nhựa HDPE đường kính ống từ $\Phi 110$ đến $\Phi 400$.

8.4. Thoát nước mưa:

a) Lưu vực và hướng thoát nước:

Khu vực thiết kế được tiêu thoát theo 2 lưu vực chính và thoát về phía Đông ra sông Hồng. Cụ thể như sau:

- Lưu vực trong đô Đại Hà (Hữu Hồng): Thuộc khu vực phía Tây và Tây Nam đô thị Thái Hà, gồm phần lớn diện tích xã Bắc Lý, một phần diện tích xã Chân Lý, xã Nhân Đạo, tiêu thoát nước tự chảy về Kênh tiêu chính chạy giữa lưu vực rồi thoát xuống phía Nam khu vực về phía kênh Như Trác (nằm phía Nam đường tỉnh 491), sau đó thoát ra sông Hồng qua trạm bơm Như Trác.

- Lưu vực trong bồi và ngoài đô Đại Hà (Hữu Hồng): Gồm khu vực ruộng, làng xóm, một số nhà máy gạch... nằm phía ngoài đô Đại Hà thuộc địa bàn các xã Chân Lý, Nhân Đạo, Đạo Lý, nước mưa tiêu thoát nước tự chảy về kênh, mương, các ao, hồ giáp chân đô Đại Hà và thoát nước tự chảy ra sông Hồng (vào mùa khô) qua cống dưới đô bồi và thoát nước bằng trạm bơm động lực, bơm nước ra sông Hồng khi mùa mưa lũ.

b) Mạng lưới cống thoát nước mưa:

- Khu vực mới phát triển (đô thị, công nghiệp quy hoạch mới) sẽ xây dựng hệ thống tiêu thoát nước đồng bộ (sử dụng cống xây đập nắp đan, công hộp kín, cống trong BTCT đi ngầm ...) kết nối với hệ thống chung của khu vực để đảm bảo tiêu thoát nước triệt để.

- Khu vực làng xóm, cơ quan, công cộng đã xây dựng ổn định, cải tạo nâng cấp mạng công hiện trạng, thay thế dẫn hệ thống tiêu thoát hồ bằng hệ thống cống xây đập nắp đan kín hoặc cống hộp bằng BTCT.

- Mạng lưới tiêu thoát nước sử dụng mạng nắp đan, cống hộp BTCT có kích thước BxH=800x800÷ BxH=1500x1500 hoặc cống tròn BTCT có đường kính D600÷ D2000.

8.5. Thoát nước thải:

- Thoát nước thải: Tổng lượng nước thải phát sinh năm 2025 khoảng 11.000 m³/ngày; năm 2030 khoảng 16.500 m³/ngày. Khu vực phát triển đô thị sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Khu vực dân cư nông thôn hiện hữu trước mắt sử dụng hệ thống thoát nước chung, giai đoạn sau từng bước cải tạo, xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng. Khu công nghiệp sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn và được xử lý tập trung.

- Xây dựng 02 trạm xử lý nước thải sinh hoạt có công suất đến năm 2025 là 1.100m³/ngày đêm; đến năm 2030 là 1500m³/ngày đêm; 01 trạm xử lý nước thải công nghiệp có công suất đến năm 2025 là 5.000m³/ngày đêm; đến năm 2030 là 5.600m³/ngày đêm.

8.6. Cấp điện:

a) Nguồn điện:

- Giai đoạn đầu, nguồn điện được cấp từ trạm 220kV Lý Nhân, giai đoạn sau xây dựng 01 Trạm 110/22kV Thái Hà - 1x40MW, năm 2025 nâng công suất trạm lên 2x40MW.

- Tổng công suất dự kiến đến 2030 khoảng 65,96MVA.

b) Lưới điện:

- Lưới điện 110kV: Xây mới tuyến cáp mạch kép 110kV từ Trạm 220kV Lý Nhân đến cấp cho Trạm 110kV Thái Hà.

- Lưới điện trung thế và hạ thế: các tuyến điện trung thế 22KV,35KV, 0,4KV sẽ được cải tạo, nắn tuyến theo đường quy hoạch, chuyển thành đi ngầm đối với khu mới, đi nổi đối với khu dân cư cũ và đưa về sử dụng cấp điện áp chuẩn 22KV.

8.7. Quy hoạch hệ thống rác thải vệ sinh môi trường:

a) Quản lý chất thải rắn:

- Chất thải rắn (CTR): Toàn bộ CTR không có khả năng tái chế, tái sử dụng sẽ vận chuyển thu gom về khu xử lý CTR của tỉnh.

b) Nghĩa trang: Từng bước dừng chôn cất mới, không mở rộng, bổ sung dải xanh cách ly các nghĩa trang hiện trạng trong khu vực dự kiến phát triển đô thị Thái Hà.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức công bố quy hoạch, và quản lý quy hoạch theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Ngành: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giao thông Vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Công ty Điện lực Hà Nam; Ban Quản lý phát triển khu đô thị mới; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ~~TH~~

Nơi nhận:

- TTTU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Như Điều 2;
 - CB Hà Nam; Báo Hà Nam, Đài PTTH tỉnh;
 - VPUB: CPVP(3), GTXD, NN, TN, NV, TC, TH;
 - Lưu VT, XD.
- QV. - ĐQĐ/2016/0200



Vũ Đại Thắng